TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN HÒA VANG** **TP. ĐÀ NẴNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 67/2025/DS-ST
Ngày: 10-3-2025
V/v: Xác định phần tài sản của người phải thi hành án trong khối tài sản chung.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HÒA VANG THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông **Phạm Phú Đạt.**

Các Hội thẩm nhân dân: Ông **Tán Nghị.**

Ông **Cao Văn Truyện.**

- Thư ký phiên tòa: Bà **Lê Thị Ly** – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Hòa Vang, thành phố Đà Nẵng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hòa Vang thành phố Đà Nẵng tham gia phiên tòa: Ông **Nguyễn Duy Linh -** Kiểm sát viên.

Trong ngày 10 tháng 3 năm 2025, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Hòa Vang, thành phố Đà Nẵng xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 103/2022/TLST-DS ngày 13/6/2022 về việc "*Yêu cầu xác định phần tài sản của người phải thi hành án trong khối tài sản chung*" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 67/2025/QĐXX-ST ngày 10 tháng 02 năm 2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 73/2025/QĐST-DS ngày 24 tháng 02 năm 2025 của Tòa án nhân dân huyện Hòa Vang, thành phố Đà Nẵng, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* **Nguyễn Thành T, sinh năm: 1994;** địa chỉ: Xuyên Đông 2, Thị trấn Nam Phước, huyện Duy Xuyên, tỉnh Quảng Nam; địa chỉ liên hệ: Số 283 đường 29/3, phường Hòa Xuân, quận Cẩm Lệ, thành phố Đà Nẵng. Có mặt

- *Bị đơn*: Bà **Phan Thị T1**, sinh năm: 1995; địa chỉ: K536/24 đường Tôn Đản, phường Hòa An, quận Cẩm Lệ, thành phố Đà Nẵng. Vắng mặt

- Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:

+ Ông **Võ Văn D,** sinh năm: 1986; địa chỉ: K536/24 đường Tôn Đản, phường Hòa An, quận Cẩm Lệ, thành phố Đà Nẵng. Vắng mặt

+ **Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hòa Vang, thành phố Đà Nẵng**; Trụ sở: Khu trung T1 hành chính huyện Hòa Vang, Quốc lộ 14B, xã Hòa Phong, huyện Hòa Vang, thành phố Đà Nẵng. Có mặt

NỘI DUNG VỤ ÁN:

**** Theo đơn khởi kiện, quá trình tố tụng và tại phiên tòa nguyên đơn ông Nguyễn Thành T trình bày:*** Theo Quyết định số: 07/2022/QĐST-DS ngày 26 tháng 4 năm 2022 của Tòa án nhân dân huyện Hòa Vang, thành phố Đà Nẵng; Quyết định thi hành án số: 79/QĐ-CCTHADS ngày 01/6/2022 và Quyết định thi hành án số: 446/QĐ-CCTHADS ngày 20/5/2022 của Chi cục trưởng Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hòa Vang, thành phố Đà Nẵng thì: Bà Phan Thị T1 phải có nghĩa vụ trả cho tôi là Nguyễn Thành T số tiền là 100.000.000 đồng (*Một trăm triệu đồng*) và lãi suất chậm thi hành án theo quy định. Hiện nay, bà Phan Thị T1 và chồng là ông Võ Quang D có tài sản chung sau: Quyền sử dụng đất tại thửa đất số 126, tờ bản đồ 22, địa chỉ thửa đất: Thôn La Châu Bắc, xã Hòa Khương, huyện Hòa Vang, thành phố Đà Nẵng có Giấy chứng nhận số DA 142872 do Sở Tài Nguyên và Môi trường thành phố Đà Nẵng cấp ngày 11/01/2021 (*đã được chỉnh lý biến động đứng tên bà Phan Thị T1 và ông Võ Quang D*). Theo Thông báo số: 464/TB-CCTHADS ngày 04/7/2023 của Chấp hành viên Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hòa Vang. Nay, tôi yêu cầu Tòa án nhân dân huyện Hòa Vang xác định phần tài sản của người phải thi hành án là bà Phan Thị T1 trong khối tài sản chung là: Quyền sử dụng đất tại thửa đất số 126, tờ bản đồ 22, địa chỉ thửa đất: Thôn La Châu Bắc, xã Hòa Khương, huyện Hòa Vang, thành phố Đà Nẵng.

Tại phiên tòa ông Nguyễn Thành T xác định tại thửa đất số 126, tờ bản đồ 22 là tài sản chung của vợ chồng ông Võ Quang D và bà Phan Thị T1 nên đề nghị Tòa án xác định phần quyền của bà Phan Thị T1 trong khối tài sản chung của vợ chồng là ½ giá trị tài sản chung.

**** Bị đơn bà Phan Thị T1 và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông Võ Văn D đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng không hợp tác, không cung cấp lời khai, không liên hệ làm việc với Tòa án nên không có lời trình bày trong hồ sơ vụ án.***

* Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hòa Vang phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa; việc chấp hành pháp luật của nguyên đơn kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đảm bảo đúng những quy định của pháp luật. Riêng bị đơn bà Phan Thị T1 và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông Võ Văn D chưa thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ theo quy định tại các Điều 70, 72 Bộ luật Tố tụng dân sự.

*Về nội dung vụ án: Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hòa Vang đề nghị HĐXX căn cứ vào các Điều 208, 210, 213 Bộ luật Dân sự, các Điều 33, 62 Luật Hôn nhân và gia đình để chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Nguyễn Thành Tài. Xác định thửa đất số 126, tờ bản đồ 22, tại địa chỉ thôn La Châu Bắc, xã Hòa Khương, huyện Hòa Vang, thành phố Đà Nẵng theo Giấy chứng nhận số DA 142872 do Sở Tài Nguyên và Môi trường thành phố Đà Nẵng cấp ngày 11/01/2021 (*Đã được chỉnh lý biến động đứng tên bà Phan Thị T1 và ông Võ Quang D*) là tài sản chung của vợ chồng bà Phan Thị T1 và ông Võ Quang D. Xác định kỷ phần tài sản của người phải thi hành án bà Phan Thị T1 trong khối tài sản chung của chợ chồng là ½ giá trị tài

sản chung nêu trên. Về án phí dân sự sơ thẩm buộc bị đơn bà Phan Thị T1 phải chịu theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Về thẩm quyền: Nguyên đơn khởi kiện đề nghị Tòa án xác định phần tài sản của người phải thi hành án trong khối tài sản chung của vợ chồng. Đối tượng tranh chấp trong vụ án liên quan đến bất động sản tại thôn La Châu Bắc, xã Hòa Khương, huyện Hòa Vang. Do đó, tranh chấp này thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Hòa Vang theo quy định tại khoản 12 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm c khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[1.2] Tại phiên tòa, bị đơn bà Phan Thị T1 và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông Võ Văn D vắng mặt lần thứ 2 không có lý do. HĐXX căn cứ vào khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt những người nêu trên.

[2] Về nội dung vụ án:

[2.1] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Nguyễn Thành T thì thấy: Bà Phan Thị T1 là người có nghĩa vụ thi hành Quyết định công nhận sự thỏa thuận của các đương sự số: 07/2022/QĐST –DS ngày 26/4/2022 của Tòa án nhân dân huyện Hòa Vang thành phố Đà Nẵng. Quá trình tổ chức thi hành quyết định nêu trên, Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hòa Vang xác minh bà Phan Thị T1 có quyền về tài sản đối với thửa đất số 126, tờ bản đồ 22, tại địa chỉ thôn La Châu Bắc, xã Hòa Khương, huyện Hòa Vang, thành phố Đà Nẵng theo Giấy chứng nhận số DA 142872 do Sở Tài Nguyên và Môi trường thành phố Đà Nẵng cấp ngày 11/01/2021. Tài sản nêu trên, vợ chồng bà Phan Thị T1 và ông Võ Văn D nhận chuyển nhượng và được Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai tại huyện Hòa Vang đăng ký biến động quyền sự dụng đất theo hồ sơ số 801097.CN.001 ngày 07/5/2021. Cơ quan Thi hành án đã ban hành thông báo đề nghị bà Phan Thị T1 và ông Võ Văn D xác định quyền sở hữu, quyền sử dụng đối với tài sản thi hành án nhưng ông D, bà T1 không thực hiện. Do đó, nguyên đơn ông Nguyễn Thành Tài đề nghị Tòa án xác định phần quyền về tài sản của bà Phan Thị T1 để tổ chức việc thi hành bản án của Tòa án. HĐXX thấy rằng: Thửa đất số 126, tờ bản đồ 22 được đăng ký biến động quyền sử dụng đất sang tên ông D, bà T1 theo hồ sơ số 801097.CN.001 ngày 07/5/2021. Tài sản này hình thành trong thời kỳ hôn nhân nên theo quy định tại Điều 33 Luật Hôn nhân và gia đình, các Điều 208, 210, 213 Bộ luật dân sự thì thửa đất số 126, tờ bản đồ 22 được xác định là tài sản chung của vợ chồng ông D và bà T1. Về phần quyền tài sản của bà Phan Thị T1, Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hòa Vang đã ban hành Thông báo số: 464/TB-CCTHADS ngày 04/7/2023 để bà T1, ông D và người được thi hành án là ông Nguyễn Thành T có quyền thỏa thuận phân chia, xác định quyền sở hữu, sử dụng nhưng bà T1, ông D không thực hiện. Theo quy định tại Khoản 1 Điều 29 Luật Hôn nhân và gia đình: "*Vợ, chồng bình đẳng với nhau về quyền, nghĩa vụ trong việc tạo lập, chiếm hữu, sử dụng, định đoạt tài sản chung; không phân biệt giữa lao động trong gia đình và lao động có thu nhập*" do đó quyền về tài sản của ông D và bà T1 trong khối tài sản chung của vợ chồng là ngang nhau và được xác định kỷ phần của mỗi người là ½ giá trị tài sản chung. Tại phiên tòa, nguyên đơn ông

Nguyễn Thành T cũng xác định phần quyền về tài sản của người phải thi hành án là ½ giá trị tài sản chung của vợ và chồng. Do đó, yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ và được HĐXX chấp nhận.

[2.2] Về chi phí tố tụng: Tổng số tiền chi phí tố tụng là 3.000.000 đồng (*Ba triệu đồng*). Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được HĐXX chấp nhận nên bị đơn bà Phan Thị T1 phải có nghĩa vụ hoàn trả lại cho ông T số tiền nêu trên.

[2.3] Về án phí: Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn bà Phan Thị T1 phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[2.4] Phát biểu của Kiểm sát viên tại phiên tòa là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 208, 210, 213 Bộ luật Dân sự; Điều 29, Điều 33 Luật Hôn nhân và gia đình, khoản 12 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm c khoản 1 Điều 39, Điều 227, 244, 264, 266, 271, 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Nguyễn Thành T:

1.1. Xác định thửa đất số 126, tờ bản đồ 22 và tài sản gắn liền với đất tại địa chỉ thôn La Châu Bắc, xã Hòa Khương, huyện Hòa Vang, thành phố Đà Nẵng theo Giấy chứng nhận số DA142872 do Sở Tài nguyên và Môi trường thành phố Đà Nẵng cấp ngày 11/01/2021 (*đã được đăng ký biến động sang tên ông Võ Văn D và bà Phan Thị T1 theo hồ sơ số 801097.CN.001 ngày 07/5/2021*) là tài sản chung của vợ chồng ông Võ Văn D và bà Phan Thị T1.

2.2. Xác định phần tài sản của người phải thi hành án là bà Phan Thị T1 trong khối tài sản chung của vợ chồng là thửa đất số 126, tờ bản đồ 22 và tài sản gắn liền với đất tại địa chỉ thôn La Châu Bắc, xã Hòa Khương, huyện Hòa Vang, thành phố Đà Nẵng theo Giấy chứng nhận số DA 142872 do Sở Tài Nguyên và Môi trường thành phố Đà Nẵng cấp ngày 11/01/2021 (*đã được đăng ký biến động sang tên ông Võ Văn D và bà Phan Thị T1 theo hồ sơ số 801097.CN.001 ngày 07/5/2021*) là ½ (*Một phần hai*) giá trị tài sản chung.

2. Về chi phí tố tụng: Buộc bà Phan Thị T1 phải có nghĩa vụ trả lại cho ông Nguyễn Thành Tài số tiền 3.000.000 đồng (*Ba triệu đồng*).

3. Về án phí: Buộc bà Phan Thị T1 phải chịu số tiền án phí dân sự sơ thẩm là 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*). Hoàn trả cho nguyên đơn ông Nguyễn Thành Tài số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) theo biên lai thu số 0002122 ngày 11/6/2024 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hòa Vang, thành phố Đà Nẵng.

5. Nguyên đơn, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Riêng bị đơn, người có

quyền lợi nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày niêm yết bản án.

Người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKSND huyện Hòa Vang;
- Chi cục THADS huyện Hòa Vang;
- TAND thành phố Đà Nẵng;
- Lưu HS.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Phạm Phú Đạt